

## THÔNG BÁO

### Về việc báo giá cung cấp dịch vụ: Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc và các rủi ro khác cho tài sản của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi năm 2026.

Căn cứ nhu cầu cung cấp dịch vụ bảo hiểm cháy nổ bắt buộc và các rủi ro khác cho tài sản của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi năm 2026.

Kính mời các Công ty, doanh nghiệp quan tâm thực hiện gửi báo giá: Dịch vụ bảo hiểm cháy nổ bắt buộc và các rủi ro khác cho tài sản của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi năm 2026, bằng đường bưu điện hoặc trực tiếp về Bệnh viện trước **17 giờ 00 phút ngày 27/8/2026**.

#### 1. Yêu cầu báo giá gồm:

- Có giấy phép đăng ký kinh doanh Dịch vụ bảo hiểm. (*Photo công chứng*).
- Bảng báo giá. (*theo mẫu của Bệnh viện*).
- Nội dung bảo hiểm. (*Có danh mục kèm theo*)

#### \* Cách ghi và địa chỉ nhận báo giá:

##### - Thông tin của Bảng báo giá:

- + Báo giá tất cả các nội dung theo danh mục được bảo hiểm.
- + Báo giá trên đã bao gồm thuế VAT và các chi phí khác có liên quan (nếu có).
- + Hiệu lực của báo giá: 06 tháng kể từ ngày ký.
- + Báo giá được ký đóng dấu bởi người đại diện hợp pháp.

#### Bên gửi:

- Tên và địa chỉ công ty, doanh nghiệp đơn vị gửi báo giá.

**\* Lưu ý:** Báo giá phải để vào túi hồ sơ/bao bì thư có niêm phong, bên ngoài ghi rõ “Báo giá Dịch vụ bảo hiểm cháy nổ bắt buộc và các rủi ro khác cho tài sản của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi năm 2026”.

**Bên nhận:** Bộ phận Văn thư, phòng Hành chính - Quản trị, Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, đường Lê Hữu Trác, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi.

Số điện thoại: 02553.827.899.

Bệnh viện kính thông báo./.

#### Nơi nhận:

- Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia;
- Website BV;
- Lưu: VT, HCQT.

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Văn Thiều**

Đơn vị:...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## BẢNG BÁO GIÁ

**Kính gửi:** Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi.

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Căn cứ Thông báo số: /TB-BVĐK ngày tháng 8 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi về việc báo giá: Dịch vụ bảo hiểm cháy nổ bắt buộc và các rủi ro khác cho tài sản của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi năm 2026. Chúng tôi xin báo giá Dịch vụ bảo hiểm cháy nổ bắt buộc và các rủi ro khác cho tài sản của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi năm 2026, với các thông tin sau như sau:

| TT  | Hạng mục bảo hiểm | Địa điểm được bảo hiểm | Năm đưa vào sử dụng | Số lượng | Đơn giá (VNĐ) | Giá trị tài sản VNĐ | Số tiền bảo hiểm |
|-----|-------------------|------------------------|---------------------|----------|---------------|---------------------|------------------|
| 01  |                   |                        |                     |          |               |                     |                  |
| 02  |                   |                        |                     |          |               |                     |                  |
| ... | ...               |                        |                     |          |               |                     |                  |
|     | <b>Tổng cộng</b>  |                        |                     |          |               |                     |                  |

- Báo giá trên đã bao gồm thuế VAT và các chi phí khác (nếu có)..
- Hiệu lực của báo giá: 06 tháng kể từ ngày ký.
- Số điện thoại liên hệ:.....

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026

*Đóng dấu ký tên*

**PHỤ LỤC**

*(Kèm theo Thông báo Số: /TB-BVĐK ngày tháng 8 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi)*

| TT       | Tên Tài sản cố định                                                                                                                                                              | Nơi sử dụng                | Năm sử dụng | Đơn vị tính | Số lượng | Nguyên giá     | GTCL (31/12/2025) |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------|-------------|----------|----------------|-------------------|
| <b>I</b> | <b>Trang thiết bị y tế</b>                                                                                                                                                       |                            |             |             |          |                |                   |
| 1        | Máy hấp tiệt trùng 2 cửa Bellmed                                                                                                                                                 | Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn | 2019        | Máy         | 1        | 3.600.000.000  | 450.000.000       |
| 2        | Máy tiệt trùng nhiệt độ thấp sử dụng khí EO                                                                                                                                      | Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn | 2020        | Máy         | 1        | 2.925.000.000  | 731.250.000       |
| 3        | Máy hấp tiệt trùng (02 cửa) NIHOPHAWA-SA500A, XX Việt Nam, SX 2021                                                                                                               | Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn | 2022        | Máy         | 1        | 818.000.000    | 409.000.000       |
| 4        | Máy lọc máu liên tục; Model: Prismaflex; Serial: PA 33067                                                                                                                        | Khoa HSTCCĐ                | 2021        | Máy         | 1        | 1.395.000.000  | 523.125.000       |
| 5        | Hệ thống máy tim phổi nhân tạo cấp cứu (Hệ thống trao đổi Oxy ngoài cơ thể (ECMO) kèm máy trao đổi nhiệt) model: SP-200, Mã Sp: ME*SP200C3, hãng sx: Ashitaka, xuất xứ: Nhật bản | Khoa HSTCCĐ                | 2022        | HT          | 1        | 2.500.000.000  | 1.250.000.000     |
| 6        | Máy giúp thở cao cấp (ASPK-0007 model EvitaV600) XX Đức, SX 2022                                                                                                                 | Khoa HSTCCĐ                | 2022        | Máy         | 1        | 680.000.000    | 340.000.000       |
| 7        | Máy giúp thở cao cấp ( ASPJ-0271 model EvitaV300) XX Đức, SX 2022                                                                                                                | Khoa HSTCCĐ                | 2022        | Máy         | 1        | 600.000.000    | 300.000.000       |
| 8        | Máy ly tâm lạnh túi máu; Roto Silenta 630RS/0001921-27                                                                                                                           | Khoa Huyết học             | 2019        | Máy         | 1        | 1.488.900.000  | 186.112.500       |
| 9        | Máy XQ kỹ thuật số DR                                                                                                                                                            | Khoa Chẩn đoán Hình ảnh    | 2020        | Máy         | 1        | 4.299.900.000  | 1.074.975.000     |
| 10       | Hệ thống chụp cộng hưởng từ 1.5T                                                                                                                                                 | Khoa Chẩn đoán Hình ảnh    | 2020        | HT          | 1        | 34.500.000.000 | 8.625.000.000     |
| 11       | Máy siêu âm tổng quát Arietta 65; G3119061                                                                                                                                       | Khoa Chẩn đoán Hình ảnh    | 2022        | Máy         | 1        | 1.350.000.000  | 675.000.000       |
| 12       | Máy điện cơ đồ                                                                                                                                                                   | Khoa nội thần kinh         | 2019        | Máy         | 1        | 1.020.000.000  | 127.500.000       |

|    |                                                                                                     |                                                |      |     |    |               |               |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------|-----|----|---------------|---------------|
| 13 | Thiết bị đo sàng lọc thính lực (AA222)                                                              | Khoa Tai Mũi Họng                              | 2022 | Máy | 1  | 626.000.000   | 313.000.000   |
| 14 | Máy siêu âm tổng quát (Model: VINNO E30, XX Trung Quốc, SX 2021)                                    | Khoa Khám bệnh - Phòng cấp cứu                 | 2022 | Máy | 1  | 802.180.000   | 401.090.000   |
| 15 | Hệ thống NS dạ dày, đại tràng có tầm soát ung thư sớm; CLW 190; Màn hình Sony: Seri: 3400439        | Khoa Nội tiêu hóa - Phòng nội soi              | 2019 | HT  | 1  | 3.279.900.000 | 409.987.500   |
|    | Camera olympus seri 7881800; Máy vi tính+máy in epson                                               |                                                |      |     |    |               |               |
| 16 | Máy tán sỏi Laser                                                                                   | Khoa GMHS                                      | 2020 | Máy | 1  | 3.379.000.000 | 844.750.000   |
| 17 | Máy gây mê kèm thở                                                                                  | Khoa GMHS                                      | 2019 | Máy | 1  | 1.580.000.000 | 197.500.000   |
| 18 | Máy phẫu thuật Phaco                                                                                | Khoa GMHS                                      | 2019 | Máy | 1  | 2.235.000.000 | 279.375.000   |
| 19 | Máy C- Arm                                                                                          | Khoa GMHS                                      | 2019 | Máy | 1  | 3.450.000.000 | 431.250.000   |
| 20 | Máy thở cao cấp ASPK-0008 ( Model EvitaV600, XX Đức, SX 2022)                                       | Khoa GMHS                                      | 2022 | Máy | 1  | 680.000.000   | 340.000.000   |
| 21 | Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng ( Model: Endovision Teleccam SL II, hãng Đức, sx Mỹ; YU739761-P) | Khoa GMHS                                      | 2022 | HT  | 1  | 2.200.000.000 | 1.100.000.000 |
| 22 | Máy theo dõi bệnh nhân                                                                              | Khoa Cán bộ trung cao và Điều trị theo yêu cầu | 2025 | Máy | 12 | 1.686.000.000 | 1.475.250.000 |
| 23 | Máy siêu âm tổng quát                                                                               | Khoa Cán bộ trung cao và Điều trị theo yêu cầu | 2025 | Máy | 1  | 1.595.000.000 | 1.395.625.000 |
| 24 | Máy X-quang kỹ thuật số chụp tổng quát                                                              | Khoa Cán bộ trung cao và Điều trị theo yêu cầu | 2025 | Máy | 1  | 1.607.000.000 | 1.406.125.000 |

|    |                                                                                                                                                      |                                                |      |          |    |                |                |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------|----------|----|----------------|----------------|
| 25 | Máy đo độ đàn hồi gan (Máy siêu âm cao cấp có tính năng đàn hồi gan)                                                                                 | Khoa Cán bộ trung cao và Điều trị theo yêu cầu | 2025 | Máy      | 1  | 1.650.000.000  | 1.443.750.000  |
| 26 | Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)                                                                                                        | Khoa Cán bộ trung cao và Điều trị theo yêu cầu | 2025 | Hệ thống | 1  | 3.650.000.000  | 3.193.750.000  |
| 27 | Hệ thống sàng lọc máu bằng công nghệ NAT (Máy xét nghiệm máu sinh học phân tử (NAT) trong sàng lọc máu).                                             | Huyết học                                      | 2026 | Hệ thống | 1  | 9.198.000.000  | 9.198.000.000  |
| 28 | Máy ly tâm lạnh Heltich (Model: ROTO SILENTA 630RS; SN:0002748)                                                                                      | Huyết học                                      | 2026 | Máy      | 1  | 1.800.000.000  | 1.800.000.000  |
| 29 | Máy xét nghiệm điện di Sebia (Model: MIDICAP PLEX PIERCING, SN:96293                                                                                 | Huyết học                                      | 2026 | Máy      | 1  | 1.918.000.000  | 1.918.000.000  |
| 30 | Máy xét nghiệm miễn dịch Sysmex (Model: HISCL-5000; SN:A3084)                                                                                        | Huyết học                                      | 2026 | Máy      | 1  | 3.066.960.000  | 3.066.960.000  |
| 31 | Hệ thống CT Scanner 128 lát cắt/vòng quay                                                                                                            | Chẩn đoán hình ảnh                             | 2026 | Hệ thống | 1  | 19.090.000.000 | 19.090.000.000 |
| 32 | Máy chụp võng mạc Carl Zeiss (CIRRUS HD-OCT, Model: 500, SN: 500-38659)                                                                              | Mắt                                            | 2026 | Máy      | 1  | 2.885.000.000  | 2.885.000.000  |
| 33 | Máy chụp đáy mắt tự động Carl Zeiss (Model: CLARUS 500, SN:CL500-56626)                                                                              | Mắt                                            | 2026 | Máy      | 1  | 3.714.000.000  | 3.714.000.000  |
| 34 | Máy thở Drager (Model: Savita 300; SN: ASUJ-0120,ASUJ-0121,ASUJ-0125,ASUJ-0126,ASUJ-0127,ASUJ-0128,ASUJ-0129,ASUJ-0130,ASUJ-0131,ASUJ-0132,ASUJ-0133 | HSTC-CD                                        | 2026 | Máy      | 11 | 7.685.700.000  | 7.685.700.000  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                    |      |     |   |               |               |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------|-----|---|---------------|---------------|
| 35 | Máy siêu âm Samsung (3 đầu dò)<br>- Model: V6<br>- Số Seri: S446M3HY5000012Y;<br>Đầu dò Linear: CA1-7SA, Conver : LA3-14AD, Tổng quát: PA1-SA.)                                                                                                                                                                                            | HSTC-CD            | 2026 | Máy | 1 | 1.445.000.000 | 1.445.000.000 |
| 36 | Máy siêu âm 2 đầu dò Alpinion (model X-CUBE 60, SN: Z01219; đầu dò Linear: SC1-7H, đầu dò conver: L3-15H)                                                                                                                                                                                                                                  | Chẩn đoán hình ảnh | 2026 | Máy | 1 | 890.000.000   | 890.000.000   |
| 37 | Máy siêu âm chuyên tim 4 đầu dò: (Convex : model C253A, SN:P6E00463, Linear : model:L442, SN:P7D00056, Đầu dò tim người lớn: model: S11, SN:P7W00121. Đầu dò âm đạo : model:C41V1, SN: P6P00275) Máy chính: Model:Affiniti 70; SN: US825F0785; Hãng sản xuất: FUJIFILM Healthcare Corporation; Nước sản xuất: Nhật bản; Năm sản xuất: 2024 | Khoa TMCT-LK       | 2026 | Máy | 1 | 3.450.000.000 | 3.450.000.000 |
| 38 | Máy cắt hút phẫu thuật mũi xoang VA Nouvag AG (Model: Highsurg 30, SN: 0482S2508R)                                                                                                                                                                                                                                                         | TMH                | 2026 | HT  | 1 | 571.500.000   | 571.500.000   |
| 39 | Tay Khoan Phẫu thuật tai Adeor Medical AG (Model: VELOCITY ALPHA™, SN: 01847                                                                                                                                                                                                                                                               | TMH                | 2026 | Cái | 1 | 677.500.000   | 677.500.000   |
| 40 | Máy gây mê kèm monitor Dragerwerk (Model: Máy mê chính Atlan® A300. SN:ASUK-0428,ASUK-0429, ASUK-0430. Monitor(Model: VISTA 120. SN: VGSTN0008, VGSTN0007, VGSTN0001)                                                                                                                                                                      | GMHS               | 2026 | Máy | 3 | 4.341.000.000 | 4.341.000.000 |



|           |                                                                                                   |                                                |      |      |   |                 |                 |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------|------|---|-----------------|-----------------|
| 1         | Nhà làm việc Khoa truyền nhiễm (cấp III)                                                          | Khoa Nhiệt Đới                                 | 2015 | Tầng | 2 | 4.079.509.906   | 1.305.443.172   |
| 2         | Khu Điều trị Cán bộ trung cao, khu kỹ thuật cao, các khoa phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ | Khoa Cán bộ trung cao và Điều trị theo yêu cầu | 2024 | Tầng | 5 | 98.129.000.000  | 89.803.840.000  |
| TỔNG CỘNG |                                                                                                   |                                                |      |      |   | 262.409.149.906 | 194.455.208.172 |